

LUẬN TAM PHÁP ĐỘ

QUYỂN TRUNG

(Tiếp theo phẩm Đức)

Hỏi: Trước nói Chân do là Cự, Phương tiện và Quả, trong đó đã nói về Cự và Phương tiện, vậy thế nào là Quả?

Đáp: Là Phật, Phật Bích chi, Thanh văn, đó là ba quả.

Hỏi: Là quả thuộc cái gì?

Đáp: Là thuộc Giới, Thượng chỉ và Trí.

Hỏi: Nay nói chân do. Chân do chính là đạo, quả cũng là đạo chăng?

Đáp: Quả này nói là hữu dư, trước nói là vô dư, Vô dư Bát Niết-bàn, cho nên không có lỗi. Phật là người lìa hết thảy chướng ngại, đạt được mười Lực, bốn vô úy, đạt được hết thảy Phật pháp, không khác với giới-định-huệ của chư Phật. Phật Bích chi là tự giác ngộ, không nhờ ai. Thanh văn là do người khác giảng nói mà đạt được.

Lại nữa, giải thoát có đủ hai thứ: Tâm bi và chán. Nếu từ tâm bi đầy đủ đắc đạo là Phật. Chán có hai thứ, một là do mình có, hai là do người khác mà có. Tự mình có là Phật Bích chi. Do người khác mà có là Thanh văn. Lại nữa, biết hết, biết cùng khắp, đầy đủ công đức, xa lìa mọi điều ác là Phật. Tuy lìa ác, nhưng Phật Bích chi còn nhiều việc không bằng Phật. Thanh văn dựa vào người khác để lìa ác.

Hỏi: Thế nào biết chư Phật không khác nhau? Thanh văn cũng lại như vậy sao?

Đáp: Thanh văn, thì ly dục, chưa ly dục, và A-la-hán có sự khác nhau là do phân biệt Căn. Tín đứng đầu trong năm Căn; do nương vào năm Căn có ba hạng: hạ; trung, thượng cho nên Thanh-văn có tất cả các địa sai khác.

Hỏi: Thế nào là ly dục?

Đáp: Dục là Tín giải, kiến đáo và Thân cứng. Lấy Tín là độ dừng

đầu cho nên nói Tín giải thoát. Do huệ làm độ đầu tiên, cho nên nói là Kiến đạo. Đều có hai thứ này là Thân chứng. Vô lượng chứng ấy, nay chỉ nói Tín giải thoát là Thượng lưu, Hành, vô hành Bát Niết Bàn. Thượng lưu Bát Niết Bàn, Hành bát Niết Bàn, vô hành bát Niết Bàn, ba thứ này là Tín giải thoát. Thượng lưu (dòng trên) là yêu thích việc dẫn tới chỗ cao hơn, vả lại dòng là đạo, từ cõi dục dẫn lên trên nên gọi là Thượng lưu. Hành Bát Niết-bàn, thì hành là hữu vi, dùng nhiều phương tiện và đạo, duyên với hành đi tới vô vi, nên gọi là Hành Bát Niết Bàn. Vô hành Bát Niết Bàn, thì vô hành là vô vi, ít dùng phương tiện và đạo, duyên nơi vô vi đi tới vô vi, gọi là vô hành Bát Niết Bàn. Đó là ba thứ Tín giải thoát.

Hỏi: Thế nào là Kiến đạo?

Đáp: Kiến đạo là Trung Sinh Bát Niết Bàn, cũng là thượng lưu, kiến đạo cũng có ba thứ: Trung Bát Niết Bàn, Sinh Bát Niết Bàn và Thượng lưu Bát Niết Bàn. Trung Bát Niết Bàn là thân này chết rồi, chưa sinh đời sống khác, khoảng giữa này đắc đạo rồi Bát Niết Bàn, như đóm lửa nhỏ, chưa rớt đã tắt. Nghĩa này cũng vậy, Sinh Bát Niết Bàn là như lửa chạm tới đất mới tắt. Như vậy là bắt đầu sanh, thứ tự đắc đạo rồi Bát Niết Bàn. Còn thượng lưu, như trên đã nói. Cõi Vô sắc cũng như vậy. Ba thứ này là Kiến đạo.

Hỏi: Thế nào là Thân chứng?

Đáp: Thân chứng là Hành, vô hành, Sinh Bát Niết Bàn. (Trước đã nói)

Hỏi: Không vì nói lại sao?

Đáp: Không. Khác cõi cho nên lia cõi Dục và lia cõi Sắc là trừ hết hai thứ trung ấm. Chẳng phải trung ấm có ở cõi vô sắc. Lại nữa, trước nói là không giải thoát, còn Thân chứng có giải thoát. Giải thoát sẽ nói sau.

Hỏi: Ly dục, thế nào là chưa ly dục?

Đáp: Chưa ly dục là thứ tám, Tu-đà-hoàn và Bạc-địa, đó là ba bậc chưa ly dục.

Hỏi: Thế nào là thứ tám, nếu kể thì phải thứ nhất, không phải thứ tám. Ban đầu là Hưởng (Hưởng Tu-đà-hoàn) sau đến A-la-hán, phải chăng thứ tám nên là A-la-hán?

Đáp: Không phải quán như vậy, như người có tám người con, thì không gọi người con lớn nhất là thứ tám, mà gọi người con nhỏ là thứ tám. Như vậy, tám bậc công đức của đức Thế Tôn (công đức tử) lấy A-la-hán làm lớn, do các lậu đã hết; lấy tướng ban đầu làm nhỏ, nên gọi

là thứ tám.

Hỏi: Thế là sao?

Đáp: Bực thứ tám là Tín, Tuệ và Câu giải thoát. Tộc tánh này bao gồm con người, khi ấy đầy đủ lòng tin và trí tuệ như vậy, hoặc lòng tin mạnh, trí tuệ tùy theo, hoặc trí tuệ mạnh, lòng tin tùy theo, hoặc cả hai đều mạnh đều tùy theo thì sinh Pháp trí. Đã tự tin mà hành là độn căn, từ pháp mà hành là trung căn, từ tin và pháp mà hành là lợi căn. Ba loại này gọi là thứ tám. Lại đã kiến đế nếu tin mạnh là trọn đủ bảy lần (cực thất); tuệ mạnh là trong; cả hai đều mạnh là Gia gia. Đây là kiến địa. Nếu vượt lên Tu địa là ở Bạc địa. Nếu tin mạnh thì một lần qua lại sinh tử. Tuệ mạnh là trung; cả hai đều mạnh là Nhất chủng. Nếu lìa dục của cõi Dục, mà tin mạnh là Tín giải thoát, Tuệ mạnh là Kiến đạo; cả hai đều mạnh là lìa sắc đắc thân chứng. Nếu tất cả lậu hết, tn mạnh là Tuệ giải thoát; tuệ mạnh là Câu giải thoát. Đầy đủ đắc giải thoát đều vượt trội cũng là câu giải thoát.

Lại nữa, tin mạnh là hàng độn căn; tuệ mạnh là trong căn; cả hai đều mạnh là lợi căn. Thứ tự như thế mà hướng lên.

Hỏi: Đã nói rộng về thứ tám, dần dần phát sinh rừng công đức, nhưng không biết gọi đó là gì?

Đáp: Gọi là người Tu-đà-hoàn. Đó là Cực thất (trọn đủ bảy lần sinh tử), Gia gia và Trung. Trụ Sơ quả cầu Tu-đà-hoàn thứ hai, đó là đạo. Hướng lên trên là đạo nên gọi là hoàn. Thân kiến, giới, đạo, nghi đoạn, hết đạo nẻo ác, hàng độn căn nhận diệu lạc trong trời người trọn đủ bảy lần rồi Bát Niết bàn. Gia gia cũng trụ ở Sơ quả, đã trừ hết ba Kiết, còn một ít thuộc Tư duy đoạn nên phát sinh ở giai đoạn ày, từ gia đến gia mà Bát Niết bàn. Trung là khoảng giữa hai loại nói trên: Không một hướng từ gia đến gia mà bát Niết bàn, Không một hướng nhận đủ bảy lần sinh chốn Trời người rồi Bát Niết bàn, mà ở trung gian này Bát Niết bàn.

Hỏi: Là Tu-đà-hoàn, còn thế nào là Bạc địa?

Đáp: Bạc địa là Nhất lai, Nhất chủng và Trung, Vì kiết của Dục giới trụ lại rất mỏng yếu nên gọi là Bạc địa. Nhất-lai là đây mạng chung sinh lên cõi Trời một lần thôi mà Niết Bàn. Nhất chủng là thọ một thân hữu, rồi vào Niết Bàn, do công đức đã thêm nhiều lên. Trung là đủ hai thứ này. Ba loại ấy gọi là chưa ly dục.

Hỏi: A La Hán là thế nào?

Đáp: A La Hán là lợi, độn, trung căn. A La Hán được gọi là cúng dường, là đủ khả năng nhận lãnh sự cúng dường.

Hỏi: Nhận lãnh ai?

Đáp: Là hết thủy chúng sinh. Nói A La Hán là có ba bậc: Lợi căn, Độn căn, Trung căn.

Hỏi: Lợi căn là sao?

Đáp: Lợi căn là trụ pháp, Thăng tiến và Bất động. Thị pháp là phương tiện trừ phiền não, nên nói là Trụ pháp. Thăng tiến là trừ phiền não, cầu khả năng chứng đắc cao hơn (thắng) đó là Đạt trí, Thông trí và Biện trí. Bất động pháp là đã đạt được quả cao, và biện tài không lay động trước mọi bàn luận.

Hỏi: Độn căn là sao?

Đáp: Độn căn là Thoái Niệm và Hộ. thoái pháp, Niệm pháp, Hộ pháp, ba thứ này là Độn căn. Thối pháp là lui xuống, không phải Thánh đế, là thoái lui xuống ở Tu địa. Tu là tu tập. Không tu tập nên nói là thối. Như học kinh mà không luyện tập thường hay quên, không luyện tập như vậy là thối lui xuống Tu địa. Đó cũng là xét thấy bệnh nghiệp ham gây tranh, viển hành, nên phải thoái lui, do vậy nên gọi là Tu địa. Niệm pháp là đã được A La Hán, nhưng hành yếu kém, và thân cũng yếu kém, mới nghĩ như vậy: Những gì cần làm ta đã làm rồi, ta sống (trụ) làm gì? Như vậy, suy nghĩ đến nhiều việc, suy nghĩ đến của cải, như áo quần, trong suy nghĩ ấy mà bỏ thân mạng. Hộ z là không thối lui, cũng không suy nghĩ cái gì khác, chỉ dùng phương tiện hết sức lớn mà hộ trì. Như người nghèo phải có nhiều phương tiện để giữ gìn của. Đó là độn căn.

Hỏi: Trung căn là sao?

Đáp: Trung căn là Huệ giải thoát, Cự giải thoát và Bất cự giải thoát. Tuệ giải thoát là thấp. Câu giải thoát có hai: Một là được Cự giải thoát. Hai là Bất cự giải thoát. Câu giải thoát là Tín và Huệ, nếu đã được hai thứ này thì gọi là thắng (vượt hơn).

Hỏi: Giải thoát là gì?

Đáp: Là Dục, Sắc và Diệt tận. Tức là giải thoát Dục giới, Sắc giới, diệt trừ thượng tâm, và ba cõi đều hết, đó là ba giải thoát. Ra khỏi phiền não cũng gọi là giải thoát.

Hỏi: Giải thoát dục là sao?

Đáp: Là giải thoát hết mọi ham muốn về nội sắc tướng, vô sắc tướng, bất tịnh và tịnh. Nội là bên trong chính mình, có hai thứ, hữu sắc tướng và hoại sắc tướng. Sắc ở bên trong hư hoại, như khi ngồi ở gò mả quán thấy thịt rã rời từng khúc, mắt lồi, bụng nước chảy rĩ, nơi đại tiểu tiện hiện ra những bất tịnh. Luôn thấy bao nhiêu là giòi bọ nhưng

nhúc ở đó, chim quạ tranh nhau ăn. Tay chân, đầu lâu, vung vãi mỗi nơi. Thấy vậy thì không còn ham muốn nữa, liền nghĩ như vậy: Thân như thế đó, mà chúng sinh dùng nó để giận dữ, tranh cãi, ganh đua, kiêu mạn, tạo ra vô lượng ác... Nhìn rõ như vậy rồi, giải thoát khỏi điều ác, ngừng tâm vào định. Đó gọi là nội sắc tướng bất tịnh mà giải thoát. Nội thứ hai là hoại sắc tướng, do định nên như là vô sắc, lập phép quán như vậy. Thân kẻ khác cũng thế mà thôi! Đó gọi là nội vô sắc tướng từ bất tịnh mà giải thoát. Tịnh mà giải thoát là như khi nhìn thấy màu áo xanh, vàng, đỏ, trắng kia, liền phát ý tư duy, tâm trụ, không bị lay động, đó là tịnh giải thoát. Cả ba thứ này là giải thoát dục.

Hỏi: Giải thoát sắc là sao?

Đáp: Giải thoát khỏi sắc là không còn ham muốn, lìa sắc, vô sắc, trụ vào bốn thứ tâm, cũng còn hữu lậu; đó gọi là giải thoát sắc.

Hỏi: Thế nào là diệt tận giải thoát?

Đáp: Tâm và các tâm tương tương ứng điều diệt. Đó gọi là diệt tận giải thoát.

Phẩm thứ hai: ÁC

Hỏi: Đã nói rõ về phẩm Đức với ba chơn độ. Thế nào là ác?

Đáp: Ác là Ác hành, Ái và vô minh; ba thứ này là Ác. Ác làm như bản hạnh lành, nên gọi là ác, như kẻ như bản, gọi là kẻ như bản, do ý ưa thích điều ác, như heo ưa thích chỗ dơ bẩn. Ban đầu là thân-miệng-ý làm ác, từ đó mọi điều ác tăng lên. Ác hành là toàn bộ những việc làm của người ác. Thân làm chuyện ác, gọi là ác hành của thân, (thân hành động ác) miệng và ý cũng vậy.

Hỏi: Thế nào là Ác hành của thân?

Đáp: Là giết, trộm cướp và dâm.

Hỏi: Giết là sao?

Đáp: Là nghĩ đến, là dạy người làm và tự làm (Niệm, Giáo và Tác) là ba thứ giết. Trộm cướp cũng thế. Tà dâm cũng vậy, đều có ba cách đó.

Hỏi: Đã biết trộm cướp, tà dâm cũng vậy, chưa biết Niệm, là thế nào?

Đáp: Niệm (nhớ nghĩ), là tâm ham muốn, muốn sai làm, và người khác làm mình vui theo. Niệm gọi là suy nghĩ, có ba thứ: Tâm muốn

làm, sai kẻ khác làm, vui thấy người làm. Như ý muốn giết chúng sinh, đó là tâm muốn làm. Ý muốn sai người giết đó là tâm muốn sai người làm. Người khác giết rồi, mình vui, đó là vui thấy người làm.

Hỏi: Thế nào là Giáo ?

Đáp: Là khuyên bảo, ra lệnh, và cho phép làm. Khuyên là như ngoại đạo dạy giết heo, dê tế trời. Lệnh là n hư vua ra lệnh cho bề tôi: Ta có giặc thù, các khanh hãy ra đánh với chúng, đó là lệnh sai khiến. Cho phép là như có người nói: Tên kia là kẻ thù của ta, anh đến đó giết nó cho ta. Người này đáp: Xin vâng. Đó là cho phép làm. Như vậy ba thứ này gọi là Giáo.

Hỏi: Thế nào là Tác ?

Đáp: Tác là ý tưởng nghĩ tới chúng sinh, bỏ và đoạn mạng chúng sinh. Tác là thi hành sự việc. Nếu nói sát sinh, phải biết ba cách là khuyên giết, ra lệnh giết và cho phép được giết, thì ác hành của ý cũng như vậy. Trong đây, khi thi hành giết có đầy đủ cả ba là : Có ý tưởng chúng sinh khác, bỏ và đoạn mạng sống chúng sinh ấy.

Trường hợp thầy thuốc vì không hiểu mục nhọt nguy hiểm, phá nó nên làm chết người. Đó không phải thầy thuốc giết người, vì không có ý hại. Trường hợp này, không đủ ba yếu tố nên không gọi là sát sinh.

Hỏi: Thế nào là trộm cướp?

Đáp: Trộm cướp là tương đến vật của người khác ý lén lấy cất giữ. Trộm cướp cũng đủ ba yếu tố. Tại sao ? Giả sử có vật của người khác, mình không có ý trộm mà giữ lấy vật, đó là do mình nhận giữ, hoặc lầm do vật tương tự, thì không phải là trộm. Hoặc như vật của người khác không có ý lén lấy mà giữ thì giống như giữ mà biết rõ vật ấy không phải của mình. Hỏi: Thế nào là tà dâm?

Đáp: Tà dâm là phạm tha thọ, phạm pháp thọ và phạm phi đạo. Ba loại này gọi là tà dâm.

Hỏi: Đã nói dâm là gốc, còn lý do nào nói tà dâm?

Đáp: Người có hai: Người xuất gia và người tại gia. Người xuất gia hành dâm, đó là ác hành. Người tại gia dâm không phải là ác hành mà xấu, tà dâm mới là ác hành. Nếu tại gia hành dâm bị coi là ác hành thì người Tu-đà-hoàn, hành dâm lẽ ra phải đọa địa ngục. Nếu không phải vậy, thì tà dâm chính là ác. Vì vậy kinh nói hai loại : dâm và tà dâm là không sai.

Hỏi: Thế nào là phạm tha thọ (người khác sở hữu thọ nhận) ?

Đó là vi phạm sở hữu thọ nhận của người khác có ba thứ : Sở hữu

thọ nhận của Chủ sở hữu thọ nhận của thân nhân và sở hữu thọ nhận của vua. Sở hữu thọ nhận của chủ lại có hai thức : Người con gái lệ thuộc đến tuổi và còn nhỏ. Trường hợp tới tuổi, theo gia pháp của phương thổ, thì con gái là thuộc ông chủ, nếu dâm với con gái đó, là tà dâm. Trường hợp còn nhỏ là thuộc ông chủ, nếu người con gái đã nhận lễ vật từ người chủ, gần đến kỳ hạn, lại dâm với người con gái ấy, đó là tà dâm. Sở hữu thọ nhận của thân nhân : Thân là cha mẹ, anh em, cậu v.v... và dưỡng nữ. Hoặc con gái bị bỏ mà lấy về nuôi đó là tà dâm. Sở hữu thọ nhận của vua : Đó là phạm dâm với người con gái không có thân nhân, không có chủ nhưng chịu sự quyết định của vua. Đó gọi là tà dâm.

Hỏi: Thế nào là pháp thọ (Đã thọ nhận theo pháp) ?

Đáp: Đó là phạm dâm với người nữ đã thọ nhận theo pháp, có ba thứ : Đã thọ nhận theo pháp Học, đã thọ nhận theo pháp Trai và đã thọ nhận theo pháp của gia tộc. Đã thọ nhận theo pháp Học, ấy là chủ (chồng) người nữ trước đã chấp nhận cho học, rồi sau lại phạm dâm, đó gọi là tà dâm. Đã thọ nhận theo pháp Trai ấy là chủ người nữ trước đó đã chấp nhận cho người nữ thọ trai pháp, sau đó lại dâm, đó gọi là tà dâm. Đã thọ nhận theo pháp của gia tộc ấy là phần sở hữu thọ nhận của thân nhân như nói ở trên. Nhưng người soạn kinh muốn khiến cho đủ ba pháp nên nói nhấn mạnh lại phần đã thọ nhận theo pháp của gia tộc, đó là: Mẹ, chị em gái và những người nữ cùng họ, thấy đều không được phạm, nếu phạm là tà dâm.

Hỏi: Thế nào là hành động phi đạo?

Đáp: Đó là dâm với con gái, với phụ nữ mới sinh, và ái nam ái nữ. Đó gọi là hành phi đạo. Nếu người nữ mới sinh nở, sau đó phạm vào đường khác (không phải cơ quan sinh dục) gọi đó là hành phi đạo. Nếu cưỡng hiếp con gái chưa gả gọi là hành phi đạo. Nếu dâm với kẻ ái nam ái nữ gọi là hành phi đạo. Ba hành động này gọi là hành phi đạo.

Hỏi: Điều đó nói chưa đủ. Tại sao? Vì còn nhiều lối tà dâm khác, nhưng ở đây chưa gồm thấu vào để nói. Không gồm thấu nói thì chưa đủ phải không?

Đáp: Đây nói đủ rồi. Tại sao? Trước đã nói, Không phạm tà dâm với nữ, tức đã biết nói cả súc sinh. Lại đã nói không phạm dâm phụ nữ mới sinh, tức đã biết nói cả những cách dâm khác. Cho nên đây đã nói đủ.

Hỏi: Ác hành phi nghĩa này, phát sinh từ đâu?

Đáp: Thấy đều từ dâm-nộ-si sinh ra. Nên biết tất cả ác hành đều từ dâm, nộ, si sinh ra.

Hỏi: Thế nào hết thấy đều là sát đạo dâm sao?

Đáp: Không phải chỉ là vậy. Chỉ nói dâm, là do nó gồm thân cả thấy. Cho nên chỉ đi tìm gốc là dâm thôi. Hết thấy những ác hành của thân, miệng, ý sẽ nói riêng.

Hỏi: Thế nào là sinh từ ba thứ ác, trong đấy có lỗi. Tại sao? Không phải do lạc hống, khổ thông (thọ lạc, khổ thọ) nhất thời sinh, cũng không do phải giận dữ, lạc thọ sai khiến. Dâm là do vui thích, hành tập nên ham muốn là dâm, vậy trong đó giận là sao?

Đáp: Chẳng phải là nói từ dâm mà sinh giận sao? Trong đây là nói ý muốn ban đầu. Như yêu thích hàm răng, bộ da cả súc vật... nên khởi lên giận mà giết. Như vậy, trước đã có ý nổi giận là nó xâm phạm vợ mình, mình báo thù; sau đó khởi lên yêu thích mà hành dâm. Nhưng ý muốn đầu tiên là từ giận mà sinh, ham muốn cũng từ đó sinh, nên nói không lỗi. Những chuyện khác cũng như vậy.

Hỏi: Trước nói hết thấy đều từ dâm-nộ-si sinh ra, trong đó đã nói ác hành của thân. Nhưng chưa biết ác hành của miệng là sao?

Đáp: Ác hành của miệng là nói không thật, không hư (Bất hư ngữ) và thêu dệt (Ỗ ngữ). Ác hành của miệng có bốn thứ, nhưng chỉ nói ba, cũng đủ chỉ rõ bốn thứ.

Hỏi: Thế nào là nói không thật?

Đáp: Nói không thật là vì lợi của mình, của người nên tránh nói thật. Ác hành của miệng không nói thật, là vì mình, vì người, vì lợi nên cố ý nói không thật. Tránh nói thật là cố ý che giấu, đó là ý biết, nhưng miệng lại nói khác đi. Vì mình là chính mạng mình, vì người là thân quen. Vì lợi là của tiền. Đó là ba thứ, khiến không nói thật. Còn như Đức Thế Tôn nói dối vì mình, vì người, vì lợi thì đại chúng, quyến thuộc đã biết, cho nên không gọi là vọng ngữ.

Hỏi: Đã nói ác hành của miệng nói không thật, thế nào là ác hành của miệng nói không hư?

Nói không hư (Bất hư ngữ) là hành không yêu mến, hành biệt ly và câu hành. Hành có nghĩa là tạo ra lời nói. Hành không yêu mến tức nói lời độc ác (ác khẩu). Vì yêu mến mà nói lời giận dữ, đó không phải là ác khẩu. Nếu không như thế thì Đức Thế Tôn cũng nói lời ác, là do ngài thương xót ông Điều Đạt, mà nói lời giận dữ. Hành động nói mà không có lòng yêu mến mới là ác khẩu. Như kẻ mù giận dữ la lên là mù, tuy có nói thật nhưng cũng là ác ý, cho nên không yêu mến mà nói là ác hành. Hành (nói) biệt ly là, tuy có nói thật, nhưng nói làm cho chia lìa, nên cũng là nói hai lưỡi. Nếu nói không vì mục đích làm họ chia lìa

mà họ vẫn chia lìa thì không phải là nói hai lưỡi. Nếu không vậy thì Đức Thế Tôn cũng nói hai lưỡi. Đức Thế Tôn vì xót thương kẻ dị học, tiến tới được độ cho làm đệ tử của Ngài, là do nói làm cho họ xa lìa. Câu hành là nói đủ cả hai loại vừa nêu : Nói lời không thật và không hư. Như vậy, ác khẩu là do nói lời ác độc, cũng gọi là nói hai lưỡi.

Hỏi: Thế nào là nói thêu dệt?

Đáp: Nói thêu dệt là nói không hợp thời, không thành thật và vô nghĩa. Ba thứ nói này là nói thêu dệt. Phân biệt thì có vô lượng. Nói không hợp thời, là đúng lúc nói, thì không nói, không đúng lúc lại nói. Như khi đi dự đám cưới, người kia ở nơi đám cưới lại nói chuyện hội họp đều tan rã hết, vạn vật đều vô thường, thanh ất có suy! Người kia nói lời ấy là chánh pháp mà Phật, Phật Bích chi, Thanh văn đã khen ngợi, nhưng vì nói không đúng lúc, cho nên đó là nói thêu dệt. Nói không thành thật là nghĩ thật, mà cố nói quẹo đi, ví như kẻ Dị học nói ta là Tát vân nhã. Người kia nghe nghĩ thật mà nói thêu dệt thêm. Tại sao? Vì Dị học ấy không phải là Tát-vân-nhã, anh ta nghĩ vậy rồi vì kẻ khác nói đó là Phật, Bồ-tát là Tát-vân-nhã tức là nói dối. Tại sao? Vì vốn không phải Phật, Bồ-tát. Nói vô nghĩa là nói chuyện vui-buồn, ca-múa-hát-vui, làm hề. Ác hành của miệng là thực hiện những cách nói như đã nêu trên.

Hỏi: Thế nào là ác hành của ý?

Đáp: Ác hành của ý là ý tham lam sân huế và tà kiến. Vì hiện hành ác nên gọi là ác hành của ý. Tham là mong muốn vật của người khác.

Hỏi: Nếu Tham là mong muốn vật của người khác, như vậy là nói trùng với phần nói về Niệm (trong phần nói về sát sinh ở trước) tức là nói : tâm tham muốn, muốn sai làm và người khác làm mình vui theo ?

Đáp : Đây không nói trùng lặp mà là ý ham muốn như vậy. Còn Niệm (nghĩ tưởng đến) là ý ham muốn như vậy, muốn hành động. Ở đây ý không ham muốn hành động mà muốn đoạt lấy vật của người khác. Vì tham nên muốn của cải kia về ta. Như vậy ý đã nhiễm vào của cải nơi người, mà tham ấy là hưởng về đồ đạc người. Giận dữ là bức bách người ta với ý ác.

Hỏi: Tà kiến là gì?

Đáp: Tà kiến là kiến chấp trái ngược về nghiệp, kiến chấp trái ngược về quả và kiến chấp đều không. Ba kiến chấp này gọi là tà kiến, nếu phân biệt thì vô lượng. Như đây mà hiểu khác đi, cũng gọi là tà kiến.

Hỏi: Thế nào là kiến chấp trái ngược về Nghiệp?

Đáp: Đó là Ý chấp về tịnh và bất tịnh, ý chấp về bất tịnh và tịnh và ý chấp cả hai nêu rên làm một. Ý chấp tịnh và bất tịnh là cho rằng thân khẩu ý nghiệp thiện mà có quả bất thiện. Ý chấp bất tịnh và tịnh là cho rằng thân khẩu nghiệp bất thiện mà có quả thiện. Ý chấp cả hai làm một là thân khẩu ý nghiệp thiện, bất thiện có quả thiện, bất thiện. Kiến chấp trái ngược về quả, cũng giống như phân biệt Nghiệp vừa nêu. Như chấp trên Trời là khổ, Niết bàn là khổ ; như vậy mà so sánh quả tịnh là do ý bất tịnh. Nẻo ác là vui, sinh tử là vui ; như vậy mà so sánh quả bất tịnh. Nẻo ác là khổ, không khổ ; như vậy mà so sánh với ý chấp cả hai làm một.

Hỏi: Thế nào kiến chấp không ?

Đáp: Là chấp không có nghiệp, không có quả và không có chúng sinh. Ba thứ này là kiến chấp không. Không có nghiệp là không có bố thí, không có trai (giới), không có nói (pháp), không có phương tiện, không có làm nghiệp thiện và bất thiện. Không có quả là làm thiện, bất thực đều không quả báo, không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Không có chúng sinh là không cha mẹ, không có chúng sinh, không có sự sống trên đời, không có thật Sa-môn, Phạm chí. Đó gọi là vô lượng thứ tà kiến.

Đây là ba loại ý, ác hành thì có rất nhiều loại. Nó là nhân sở tác của hết thảy loại ác, là nhân sở tác trái nghịch hết thảy loại thiện, những tạo tác gây ra ấy như đã nói trong phần Giới ở trước. Đã nói xong chân độ thứ nhất (Ác hành) của phần Ác.

Hỏi: Đã nói Ác hành, thế nào là Ái?

Đáp: Ái là Nhiễm, giận và mạn, là ba thứ ái. Ái là cầu tìm. Ba loại (Ái, âu, Nhiễm) nói chung là một.

Hỏi: Nhiễm là sao?

Đáp: Nhiễm là vướng mắc vào dục, hữu, phạm hạnh. Vướng mắc Dục, vướng mắc hữu, vướng mắc phạm hạnh, đó là ba thứ nhiễm. Trong đó, dục có năm: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vướng vào ba nhiễm này, mỗi mỗi chúng sinh vướng vào mà ưa thích. Mọi việc khác thì không như vậy. Vướng mắc dục, đó là ham muốn nam, nữ, ái nam ái nữ. Nữ ham muốn nam, nam ham muốn nữ và ái nam ái nữ. Kể ái nam ái nữ ham muốn nữ, nam.

Hỏi: Trước nói vướng mắc vào dục có năm; nay nói nam, nữ, ái nam ái nữ, không phải là lỗi sao?

Đáp: Nam, nữ, ái nam ái nữ là những vướng mắc sâu nặng trong

năm dục. Những thứ khác, thì không bằng. Như Đức Thế Tôn nói: Ta không thấy có sắc ái nào khác như, là sắc nam nữ yêu mến nhau như là cảnh giới năm dục. Cho nên không có gì vượt qua ái. Dục có ba thứ vi, trung, thượng. Vi (hạ phẩm) là nam ham muốn, trung là nữ ham muốn, thượng là ái nam ái nữ ham muốn. Đó gọi là sự vướng mắc của dục.

Hỏi: Thế nào là vướng mắc vào hữu?

Đáp: Vướng mắc vào hữu là vướng mắc vào Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Đó là vướng mắc hữu.

Hỏi: Như ham muốn vướng mắc này thì như trước đã nói: nam, nữ, ái nam, ái nữ, nay tại sao nói trong phần vướng mắc hữu.

Đáp: Vướng mắc hữu là vì chúng sinh nên nói; còn vướng mắc dục là vì phiền não cho nên nói: Hết thấy pháp của cõi dục gọi là dục hữu. Nếu vướng mắc vào nó, thì gọi là vướng mắc dục hữu. Hết thấy pháp của cõi Sắc gọi là Sắc hữu. Nếu vướng mắc pháp ấy thì gọi là vướng mắc vào Sắc hữu. Hết thấy pháp của cõi Vô sắc gọi là Vô sắc hữu; Nếu vướng mắc pháp ấy thì gọi là vướng mắc vào Vô sắc hữu. Đó là nói riêng, nên không có lỗi.

Hỏi: Thế nào là vướng mắc phạm hạnh?

Đáp: Vướng mắc ở phạm hạnh là ham muốn vướng mắc vào cái đã được, cái chưa được, và cái được rồi thì mất mà buồn rầu. Vướng mắc ở phạm hạnh đã được là chấp trước vào sở đắc; cái chưa được, cái chưa được thì mong cầu, nếu mất thì rất buồn rầu. Vì nghĩa đó, cũng tương ứng nói vướng mắc dục và hữu: Như vậy, vướng mắc dục, hữu và phạm hạnh, mỗi thứ có ba thành chín. Lại nữa, như kẻ được nữ nhân liền đắm say, chưa được thì mong cầu, được rồi bị mất thì buồn rầu. Nam và bất thành nam (ái nam ái nữ) ham muốn tham đắm, tương tự như vậy mà thành chín thứ. Như vậy cộng với vướng mắc ở phạm hạnh, và hữu, phải nói đến hai mươi bảy thứ.

Hỏi: Vướng mắc ở phạm hạnh mà được như vậy, có phải là phiền não?

Đáp: Có. Như Đức Thế Tôn nói, có ba thứ cầu: cầu dục, cầu hữu, cầu phạm hạnh. Cầu, ái, nhiễm giống như là một nghĩa. Vả lại, như đã nói, dục và phạm hạnh thường nghĩ là lìa ái.

Hỏi: Nếu vậy, thì phạm hạnh không thể thực hiện được. Tại sao? Vì vướng mắc vào hữu. Lại nữa, vướng mắc như đã nói, thì hết thấy phạm hạnh đều phải là vướng mắc hữu?

Đáp: Đó là phương tiện mà thực hành, như giòng họ Thích đã làm. Giòng họ Thích thực hành phạm hạnh, nhưng không vướng mắc vào

phạm hạnh, họ vì lìa khỏi tội phước, mà hành đạo, không vì cầu quả. Người cầu quả chính là nói vương mắc: Ta dùng giới này, khổ hạnh này, phạm hạnh này thì được sinh lên cõi Trời. Cho đến hành vương mắc, ý nhiệm ô mong cầu như vậy: “Khi nào ta được phạm hạnh, để ta sinh vào cõi thiện”. Hoặc vương mắc vào hành động ưa thích ở đời sau, yêu thích những hạnh đã trì giữ nếu làm phi phạm hạnh thì sinh hối hận: Ôi! ta đã thối tâm, rồi buồn rầu. Đó gọi là vương mắc ở phạm hạnh.

Hỏi: Thế nào là giận (sân khuể)?

Đáp: Giận là với chính mình, người thân, oán thù có sự phẫn nộ. Phẫn nộ với mình, với người thân, với người thù oán; là ba thứ giận dữ.

Hỏi: Thế nào lại nói giận trong phần Ái này?

Đáp: Giận dữ là tìm cái xấu, tìm cái chẳng yêu thích đó thôi. Vì bản thân mà hành xử trong bốn môn, (cách), vì người thân, kẻ oán thù mà cũng hành xử trong bốn môn.

Hỏi: Là thế nào?

Đáp: Là vì mình và người thân chưa được vui, thì tìm cầu, được rồi, thì khiến cho không mất. Đã chịu khổ thì cầu muốn bỏ, chưa gặp khổ thì không muốn khiến cho gặp khổ. Đó là bốn môn hành xử đối với mình và người thân. Đối với kẻ oán, thì họ chưa gặp khổ, muốn làm cho họ gặp khổ, họ đã gặp khổ, muốn cho họ không thể bỏ. Họ chưa được vui, muốn làm cho không được, đã được, muốn làm cho mau mất. Đó là vì oán tìm cái xấu, là giận dữ. Vì thế nói giận trong phần Ái này cũng không sao.

Hỏi: Thế nào là vì mình?

Đáp: Vì mình là có ba thời gian tìm cầu chẳng được lợi, là quá khứ, hiện tại, vị lai. Người kia vì mình đã tìm cầu chẳng được lợi, sẽ tìm cầu chẳng được lợi, và hiện tại tìm cầu chẳng được lợi, làm cho mình sinh giận. Đó là vì mình mà cả ba thời tìm cầu chẳng lợi cho mình, nên nổi giận.

Hỏi: Thế nào là vì người thân?

Đáp: Người thân cũng như vậy. Như vì mình mà ba thời tìm cầu đều chẳng được lợi, nên nổi giận. Như thế, vì người thân ba thời tìm cầu chẳng được lợi, nên nổi giận.

Hỏi: Là thế nào?

Đáp: Như đã nói, mình và người thân ái, đã tìm cầu mà chẳng được lợi, sẽ cầu, hiện cầu cũng chẳng được lợi, nên nổi giận. Đó gọi là vì người thân mà giận.

Hỏi: Thế nào là vì người oán?

Đáp: Khác với mình và người thân. Đối với kẻ oán thù thì ngược lại, thấy họ đã cầu được lợi, sẽ cầu được lợi, hiện đang cầu lợi cho họ, làm cho mình sinh giận tức. Mình, người thân, kẻ oán phối với ba thời gian thành chín loại giận.

Hỏi: Giận này và giận trong ác hành của ý, có khác nhau không?

Đáp: Đây dựa vào phương tiện mà sinh, còn ác hành giận, kia từ vô trí mà giận.

Hỏi: Hết thấy chúng sinh có chín thứ giận như nhau chăng?

Đáp: Giận này như vẽ trên nước, trên đất, trên đá. Giận là tùy chúng sinh. Có bao nhiêu chúng sinh thì giận cũng có ba hạng là hạ, trung, thượng. Như vẽ vào nước, liền mất ngay, vẽ lên đất, thì một chút mới tan biến, do gió mưa hay yếu tố khác, còn khắc vào đá thì nó sống với đá, không còn đá nó mới diệt. Như vậy, chúng sinh có bao nhiêu là thứ giận, hoặc khi giận vừa nổi lên, liền tự trách mình: Ta không phải là chúng sinh, thì pháp tự nhiên sẽ diệt, vô lượng khổ bức bách tự nhiên tiêu mất, ta không nỡ nào gây hại cho kẻ khác, cố nấy ý ác. Khi quán như vậy, thì sự giận kia tự dứt, ví như vẽ trên nước. Hay khi nổi giận, mà không kiềm chế được, thì nhờ thầy, bạn lành thương xót quở trách, mới dừng được, ví như vẽ trên đất. Hoặc ý ác, không chánh tư duy mà nổi giận, thì Phật, Phật Bích chi, Thanh văn cũng không ngăn dừng được. Chỉ ôm theo mình cho đến khi diệt để nó cùng diệt, ví như khắc vào đá. Đó gọi là giận dữ.

Hỏi: Thế nào là mạn?

Đáp: Mạn là dấy khởi ý thấp, bằng và cao, dựa vào đó, nên gọi là mạn. Lại tự nâng mình lên so với kẻ kia, nên sinh mạn. Đó là ba thứ: khởi ý ta hèn kém, khởi ý ta bằng và khởi ý ta cao hơn. Đối với người giàu có, dòng dõi tốt, thì nghĩ ta không bằng họ; đó gọi là khởi ý ta hèn kém. Nếu đối với kẻ giàu khác, khởi ý ta bằng họ, đó là khởi ý ta bằng. Nếu gặp người giàu có khác, nổi ý: Ta hơn họ, đó là khởi ý ta cao hơn.

Hỏi: Đã nói tướng của ba thứ mạn là: Hèn kém, bằng, cao hơn. Làm thế nào để biết đó là chơn độ? Phân biệt hết thấy loại mạn, thì có vô lượng thứ. Đây giống như chỉ mới nói phần thô tạp?

Đáp: Ty mạn (nghĩ mình thấp hèn) gồm có ba loại: Tà mạn, Bất như, mạn và Cực hạ mạn. Ba loại này thuộc Ty mạn. Tà mạn là khởi ý cao ngạo, ta đã tạo ác nghiệp hết sức rồi. Bất như mạn, là nhận lời khen tặng của người khác: “Tốt thay! Ông có đức lớn”. Ta nghe rồi trong lòng hoan hỷ, tự như: Há mình không được vậy sao? Cực hạ mạn là lười

biếng nghĩ mọi người không thể vượt hơn đó.

Hỏi: Thế nào là Đẳng mạn (nghĩ mình bằng)?

Đáp: Cũng gồm ba thứ: Ngã mạn, Cống cao mạn và Bất kính mạn. Ngã mạn là kiến chấp năm ấm là Ngã, đã trong năm ấm ác ấy, cho là công đức. Cống cao mạn là nghĩ mình nhận mọi cung phụng của người khác. Bất kính mạn là không kính trọng sư trưởng.

Hỏi: Thế nào là Thượng mạn (nghĩ mình cao thượng)?

Đáp: Là Đại mạn, Mạn đại mạn và Tăng thượng mạn. Đại mạn là đối với người kém, bằng mình, sinh kiêu mạn là mình vượt hơn. Mạn đại mạn là đối với người hơn mình, sinh kiêu mạn là mình vượt hơn họ. Tăng thượng mạn là chưa được cho rằng mình được mà sinh kiêu mạn. (chân độ thứ hai (Ái) trong phẩm Ác đã nói xong)

Hỏi: Đã nói Ái, thế nào là vô minh?

Đáp: Vô minh là, Phi trí, Hoặc trí, và Tà trí. Ba thứ này là vô minh. Vô minh là mượn si lập tên; là phân biệt chữ mà nói; tức là nói sự hủy báng chế nhạo của si mà đặt tên. Như người có con ác mà bảo là không có con. Như vậy, ở đây vô minh là minh ác, nên gọi là vô minh.

Hỏi: Là thế nào?

Đáp: Phi trí là không biết Hữu vi, không biết vô vi và không biết “Bất khả thuyết”. Ba thứ không biết này gọi là Phi trí.

Hỏi: Hai thứ: thọ và không thọ hữu vi trong đó, cái nào quyết định?

Đáp: Hữu vi chấp nhận thọ, không thọ và cả hai (thọ và không thọ). Nếu phi trí thì nên biết đó là thọ si, không thọ si và gồm cả hai đều si. Thọ si thì gồm hai loại: tự thọ, tha thọ, Âm, Giới, Nhập. Không thọ si ấy là ví như cây, cỏ, tường vách. Ở giữa hoặc tha thọ, hoặc không thọ thì nên biết là không thọ. Trong đây đối với mỗi mỗi (Ám, Giới, Nhập) đều si ám, gọi là Phi trí. Như đức Thế Tôn nói sáu Nhập, phi trí không thấy ... Như thế, nói diễn rộng như trong kinh. Thọ là nghĩa Thủ (giữ lấy). Do nghiệp và phiền não si mê, ý cho Ngã là thuộc về mình, gọi đó là Thọ.

Hỏi: Vô vi là Niết Bàn, có một sao nói có ba?

Đáp: Vô vi là Hữu dư, vô dư và cả hai Tuy Niết Bàn là một vô vi, nhưng về sự thì nói có hai, Hữu dư-vô dư. Hữu dư là nghiệp và phiền não mà thân nầy nhận lấy, đó là Hữu dư. Khi đoạn hết phiền não chính mình chứng được thì gọi là Hữu dư. Vô dư là nếu như buông bỏ ấm thọ này, không còn tương tục như đèn tắt, thì Niết Bàn đó gọi là Vô dư. Ở trong đây, ngu si đối với Hữu dư, Vô dư và cả hai, gọi là không biết vô

vi.

Hỏi: Thế nào là không biết “bất khả thuyết”?

Đáp: Cái “bất khả thuyết” (không thể diễn nói), ấy là sự thiết lập về Thọ, sự thiết lập về quá khứ, và sự thiết lập về Diệt. Nếu không biết ba thứ này, gọi là không biết” bất khả thuyết. Thiết lập về Thọ, là chúng sinh đã thọ Ấm, Giới, Nhập cho đó là một và khác. Thiết lập về quá khứ là nhân nơi Ấm giới nhập của quá khứ mà nói. Như nói: Ta thời đó, tên là Cù-tuần-đà. Thiết lập về Diệt là như đã diệt rồi, nhân nơi Thọ mà nói. Như nói: Đức Thế Tôn đã bát Niết bàn. Lại nữa, thiết lập quá khứ là ngăn chúng sinh chấp đoạn; thiết lập diệt là ngăn chấp có thường; thiết lập Thọ là ngăn chấp không. Thiết lập không thọ là ngăn chấp có. Như vậy, đối với mỗi mỗi sự thiết lập đều không biết, đó gọi là vô trí “bất khả thuyết”.

Hỏi: Đã nói vô trí, thế nào là Tà trí?

Đáp: Tà trí là thân-biên-đạo kiến; là Thân kiến, Biên kiến, Đạo kiến. Đó là ba thứ tà trí. Tà là đảo ngược, đồng nghĩa với phi như bất chân.

Thân kiến là kiến chấp: Ngã nhất định phải vậy, thuộc về Ngã nhất định phải vậy và tự tại nhất định phải vậy, Ngã nhất định phải vậy ấy là Ấm, huyền hóa, đồng mộng, ngựa, tiếng vang, nước, trăng, hình thể tương tự năm Ấm mà chấp trước đó là Ngã. Thuộc về Ngã nhất định phải vậy là giả mượn, chuỗi anh lạc, cây, quả, oán thù tương tự năm ấm mà chấp trước là sở hữu của Ngã. Tự tại nhất định phải vậy là cây chuỗi, bọt nước,... tương tự cảnh giới năm dục mà chấp trước là tự tại giống như sắc trong không tự (không thật). Đây cũng gọi là kiến chấp về Thân, Ngã và sở hữu.

Hỏi: Thế nào là Biên kiến?

Đáp: Biên kiến là kiến chấp-đoạn, thường và đủ cả đoạn-thường. Đủ ba thứ đó, gọi là biên kiến. Biên là không đúng với đạo lý, gọi là biên kiến (chấp một bên, hoặc đoạn, hay thường...) Đoạn, thường là chấp thế gian có thường, vô thường, chẳng có thường, chẳng phải vô thường; có biên, vô biên, chẳng phải có biên, chẳng phải vô biên; chúng sinh có chung, chúng sinh vô chung, chẳng phải có chung, chẳng phải vô chung. Thân này, mạng này so sánh như vậy. Gồm có cả hai là chấp có thường, vô thường, hữu biên, vô biên, có chung, vô chung. So sánh như vậy, gọi là ba thứ biên kiến.

Hỏi: Thế nào là Đạo kiến?

Đáp: Đạo kiến là gồm Giới, Kiến và Y. Người kia kiến chấp trộm

lấy từ ba thứ này mà sinh ra: Trong đây Giới đã nói trong Chân độ thứ nhất (Đức). Do giới này được thanh tịnh và thọ giới gọi đó là hai thứ trộm Giới. Đây mới là chơn thật, còn mọi thứ khác đều hư, không phải đó gọi là trộm Kiến. Chấp đó là chân, nhất định phải vậy, cũng nó đó là trộm Kiến. Thân bị trói buộc nương vào đó, (Y) nghĩa là nếu nương vào giới và kiến, thì năm ấm do đấy, hoặc là trộm Kiến, hoặc là trộm Giới. Cho năm ấm là tịnh, nên biết đó là trộm Giới; chấp năm ấm là tịnh. Trộm giới này mà chấp năm ấm là bậc nhất, không phải thứ khác, nên biết đó là trộm Kiến. Y là dựa vào hai thứ vừa nêu. Đó gọi là Đạo kiến.

Hỏi: Thế nào là Hoặc trí?

Đáp: Hoặc trí là không hiểu gì về Bảo (báu), Đế và Định. Không hiểu Bảo, không hiểu Đế, không hiểu Định. Không hiểu là không quyết định mà là nghi, cùng nghĩa với do dự.

Hỏi: Thế nào là Bảo?

Đáp: Bảo là Phật Pháp Tăng: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Phật là trí biết khắp, thành tựu hết thấy công đức, lia hết thấy ác.

Hỏi: Lý do nào gọi Phật là bảo?

Đáp: Do công đức này. Lại nữa, do đại từ, đại bi, không nói pháp trống rỗng, do thân cận vô sự (hạnh viễn ly), do khó ra đời, như hoa Ưu Đàm. Công đức như vậy không thể kể hết, tất cả đều thành tựu, nên gọi là bảo.

Pháp vừa là phương tiện và là quả của phương tiện như trong đây nói Niết Bàn là pháp bảo. Chỗ Phật ở trên hết thấy các pháp. Như kinh đã nói: Nếu có pháp Hữu vi, Vô vi, thì Vô vi Niết Bàn là bậc nhất. Bảo này không hư hoại, có khả năng dập tắt mọi khổ, cho đến cuối cùng được mát lạnh là pháp khó được, không thể nói hết. So sánh như vậy gọi là bảo.

Tăng, trong phần Thanh văn, trước đã nói. Còn Bảo ấy là do có phước đức rộng, do không sống trái với lời Đức Thế Tôn dạy, do có ruộng phước điền vô thượng, do được Đức Thế Tôn khen ngợi, do không thể tan hoại, do luôn hòa hợp không tranh giành, do như vậy So sánh với vô lượng công đức thành tựu, nên gọi là bảo.

Hỏi: Đã nói Bảo, thế nào là Đế?

Đáp: Đế là Đẳng, Tướng, Đệ nhất nghĩa đế. Đẳng đế, Tướng đế, Đệ nhất nghĩa đế, là ba thứ Đế. Đế là Thật hữu đế, là Chơn đế, là Bất hư đế, là Như đế nên gọi là Đế.

Đẳng đế là Phương tục cử Tộc cử và Học cử. Đó gọi là ba thứ

Đẳng đế. Vì hiện hành các loại sự nên gọi là Đẳng đế. Hiện hành các loại sự ấy chính là nghĩa Trí. Phương tục cử (do tục lệ địa phương... ấn định) là nghĩa nhất định phải như vậy. Sự vật này là Ta chấp nhận sự vật này có tên gọi thế này... Như nước, nhất định phải ướt, thấm, chảy xuống... Như thế mà so sánh ấn định các sự vật khác. Đó gọi là Đẳng đế. Tộc cử (do giòng tộc... ấn định) là như pháp tắc của gia đình mình ấn định. Học cử, là dùng oai nghi lễ tiết để hành động và hiểu ý kinh. Lại nữa, ngày ăn, không ăn đêm; không cắt cỏ, mùa Hạ không đi... So sánh như vậy mà hành gọi là Đẳng đế.

Hỏi: Thế nào là Tướng đế?

Đáp: Tướng đế là Khổ, Tập, Đạo. Khổ đế, Tập đế, Đạo đế, là ba thứ Tướng đế. Do lấy tướng của sự thật mà quán chiếu nên gọi là tướng đế. Tướng là nói sinh, lão, Vô thường. Tướng là nói tướng tiêu biểu nhất. Trong đó, tướng bức bách là Khổ đế thống chuyển thành là Tập đế. Tướng xuất yếu là Đạo đế. Tận là Vô tướng, sẽ nói riêng. Lại nữa, Khổ đế là ám, giới, nhập. Tập đế là dâm-nộ-si. Đạo đế là giới-định-huệ. Gọi là Tướng đế.

Hỏi: Thế nào là đệ nhất nghĩa đế?

Đáp: Đệ nhất nghĩa đế, là Tác, Tự và Niệm đạt đến ngưng dứt hoàn toàn, gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Tác là thân nghiệp. Tự Chánh tự) là khẩu nghiệp. Niệm là Ý nghiệp. Ba thứ này đạt đến ngưng dứt hoàn toàn gọi là đệ nhất nghĩa đế, nghĩa là Niết Bàn.

Hỏi: Như Phật nói kệ:

*Một đế hai, Vô, Hữu.
Nếu sinh, sinh nơi hoặc,
Nan-đà quán các đế,
Là Sa Môn không nói.*

Như vậy là có bốn đế, tại sao nói là một?

Đáp: Vì là Đệ nhất nghĩa đế. Nói hai Vô, Hữu là Niết Bàn, (Hữu dư, Vô dư) như kệ đã nói

*Nan-đà quán các đế,
Là Sa môn không nói.*

Nửa bài kệ này tự hiểu, nói các đế khác, không có lỗi gì.

Hỏi: Đã nói Đế, thế nào là Định?

Đáp: Định là định sắc, vô sắc, vô lậu. Định Sắc, định vô sắc, định vô lậu, gọi là định. Định là nghĩa tâm hành ở định. Định Sắc là: Thiền, Vô lượng, Trừ nhập của cõi sắc, giải thoát của Thiền thứ nhất, thứ hai, thứ ba và sơ nhập Nhất thiết nhập. Định Vô sắc là hai Nhất thiết nhập

cầu bốn cõi Vô sắc. Định Vô lậu là Vô tướng, Vô nguyện, không. Thiền Vô lậu là vô lậu. Định Vô sắc là vô lậu. Năm tướng trước và định đoạn giới (cõi) hết thấy tướng này đã không quyết định mà còn nghi ngờ do dự, đó gọi là Hoặc trí. Đây cũng là mê goặc ở khổ phi khổ; Tập, Tận, Đạo phi Đạo, mê hoặc ở bốn đế như vậy, với ba cõi dục, sắc, vô sắc là mười hai thứ. Hoặc trí này như trong phần Ai đã nói Vô trí, cũng nói Tà trí, và Tà kiến, như trong phần ác hành của ý đã nói, trộm kiến cũng như vậy ; Thân kiến, biên kiến ở ba cõi khổ, trộm giới ở nẻo khổ và ba cõi. Lại, ái cũng thuộc Tư duy đoạn (Tu đạo) như thế mà phân biệt thành chín mươi tám kết sử. (chân độ thứ ba trong phẩm Ác đã nói xong).

